ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh,**  **chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Thị Mỹ Lang | Hiệu trưởng | Chủ tịch |  |
| 2 | Nguyễn Huỳnh Tú My | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch |  |
| 3 | Lê Thị Kiều Trang | Bí thư chi đoàn | Thư ký hội đồng |  |
| 4 | Nguyễn Thị Thùy Phương | Tổ trưởng tổ văn phòng | Ủy viên |  |
| 5 | Nguyễn Thị Băng Tâm | Tổ trưởng chuyên môn – tổ lá | Ủy viên |  |
| 6 | Cấn Kim Hồng Hậu | Tổ trưởng chuyên môn – tổ chồi | Ủy viên |  |
| 7 | Đặng Ngọc Quý | Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ | Ủy viên |  |
| 8 | Đặng Thị Hoa | Tổ trưởng chuyên môn – tổ mầm | Ủy viên |  |
| 9 | Nguyễn Thị Ngọc Hân | Kế toán | Ủy viên |  |
| 10 | Nguyễn Lưu Vân | Trưởng ban thanh tra nhân dân | Ủy viên |  |
| 11 | Trần Thị Bích Thu | Chủ tịch Công đoàn | Ủy viên |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 4 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 5 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 11 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 11 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 14 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 16 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 20 |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 23 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 24 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 27 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 29 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 30 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 33 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 35 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | 36 |
| Mở đầu | 36 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 36 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 38 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 41 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 41 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 43 |
| Mở đầu | 43 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 43 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 46 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị | 47 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn | 49 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 51 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 53 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 54 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 55 |
| Mở đầu | 55 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 55 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường; | 57 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 60 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | 60 |
| Mở đầu | 60 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 61 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 63 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ | 65 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 67 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 69 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 70 |
| Phần IV. PHỤ LỤC | 71 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X |  |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X |  |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 1

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 1**

**Phần I  
 CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường : Trường Mầm non Bé Ngoan

Tên trước đây: Trường Mẫu giáo Bé Ngoan 2

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Nguyễn Thị Mỹ Lang |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Hóc Môn |  | Điện thoại | 028.38910345 |
| Xã/phường/thị trấn | Thị Trấn |  | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không |  | Email | C0bengoan.tphcm@moet.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2001 |  | Số điểm trường | 02 điểm phụ |
| Công lập | X |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Tư thục | Không |  | Trường liên kết với nước ngoài | Không |
| Dân lập | Không |  | Loại hình khác | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học**  **2014-2015** | **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018 -2019** |
| Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 03 | 03 | 03 | 02 | 03 |
| Số lớp mẫu giáo từ 3 - 4 tuổi | 04 | 04 | 03 | 03 | 03 |
| Số lớp mẫu giáo từ 4 - 5 tuổi | 03 | 03 | 03 | 03 | 03 |
| Số lớp mẫu giáo từ 5 - 6 tuổi | 02 | 02 | 03 | 04 | 03 |
| **Cộng** | **14** | **14** | **14** | **14** | **14** |

**2. Cơ cấu khối công trình nhà trường:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | **14** | **14** | **14** | **14** | **14** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 14 | 14 | 14 | 14 | 14 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị | **01** | **01** | **01** | **01** | **01** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **V** | Phòng y tế | 03 | 03 | 03 | 03 | 03 |  |
|  | **Cộng** | 18 | **18** | **18** | **18** | **18** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 12 năm 2019

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
|  |  |  |  | Chưa đạt chuẩn | Ðạt chuẩn | Trên chuẩn |  |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 0 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 | 00 | 00 | 00 | 02 |  |
| Giáo viên | 31 | 31 | 00 | 00 | 03 | 28 |  |
| Nhân viên | 16 | 12 | 00 | 00 | 16 | 00 |  |
| **Cộng** | **50** | **46** | **00** | **00** | **19** | **31** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Số liệu | **Năm học**  **2014-2015** | **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** |
|  | Tổng số giáo viên | 30 | 30 | 30 | 29 | 29 |
|  | Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(đối với nhóm trẻ)* | 159/12 = 13.3 | 132/12 =  11 | 114/10 = 11.4 | 104/9= 11.5 | 104/9= 11.5 |
|  | Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
|  | Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)* | 335/18 = 18.6 | 349/18 = 19.4 | 388/20 = 19.4 | 360/18 =  20. | 342/18 = 19. |
|  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương | 01 | 00 | 04 | 00 | 02 |
|  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và tương đương trở lên | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Trẻ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT |  | **Năm học**  **2014-2015** | **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** |
|  | Tổng số | 494 | 481 | 502 | 472 | 462 |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
|  | - Trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
|  | - Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 57 | 52 | 40 | 48 | 51 |
|  | - Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 102 | 80 | 74 | 64 | 69 |
|  | - Trẻ từ 3-4 tuổi | 130 | 143 | 112 | 88 | 111 |
|  | - Trẻ từ 4-5 tuổi | 82 | 125 | 152 | 117 | 104 |
|  | - Trẻ từ 5-6 tuổi | 123 | 81 | 124 | 155 | 127 |
|  | Nữ | 218 | 221 | 243 | 232 | 197 |
|  | Dân tộc | 13 | 15 | 15 | 16 | 10 |
|  | Đối tượng chính sách | 09 | 03 | 02 | 00 | 00 |
|  | Khuyết tật | 00 | 02 | 01 | 00 | 00 |
|  | Tuyển mới | 117 | 171 | 146 | 116 |  |
|  | Học 2 buổi/ngày | 494 | 481 | 502 | 472 | 462 |
|  | Bán trú | 494 | 481 | 502 | 472 | 462 |
|  | Tỷ lệ trẻ/lớp | 335/9 = 37.2 | 349/9 =  38.8 | 388/9 =  43.1 | 360/10 =  36. | 342/9 =  38 |
|  | Tỷ lệ trẻ/nhóm | 159/5 = 31.8 | 132/5 =  26.4 | 114/5 =  22.8 | 112/4 =  28 | 120/5 =  30 |

**5. Công tác phổ cập giáo dục mầm non và kết quả giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ em lứa tuổi mầm non tới trường | 494 | 481 | 502 | 472 | 462 |  |
| Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non | 123/123  (100%) | 81/81  (100%) | 124/124  (100%) | 156/156  (100%) | 127/127  (100%) |  |

**PHẦN II.**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ:**
2. Tình hình chung của trường:

Trường Mầm non Bé Ngoan huyện Hóc Môn được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn trên cơ sở sáp nhập nhà trẻ Vàng Anh 1 và trường mẫu giáo Bé Ngoan 2. Trường được chính thức hoạt động với quy mô trường mầm non công lập, đơn vị chủ quản là Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Ngoài điểm chính đặt tại địa chỉ 32/4B Khu phố 6 Thị Trấn Hóc Môn, trường có 02 điểm phụ, điêm phụ 1 nằm ở 10/6 Khu phố 2, Lý Thường Kiệt Thị Trấn Hóc Môn, điểm phụ 2 nằm ở 5/9 Lê Thị Hà, Khu phố 8 Thị Trấn Hóc Môn mỗi điểm phụ cách điểm chính khoảng 300m tại trung tâm Thị Trấn Hóc Môn. Tổng số cán bộ - giáo viên - nhân viên là 50 người. Trong đó cán bộ quản lý: 03; giáo viên: 31; nhân viên: 16. Tổng số nhóm - lớp: 14 (trong đó: nhà trẻ: 05 nhóm; mẫu giáo: 09 lớp). Tổng số học sinh: 397cháu (trong đó: nhà trẻ: 88 cháu; mẫu giáo: 309 cháu).

Cơ sở vật chất nhà trường tuy chật hẹp nhưng khang trang, sạch sẽ; trang thiết bị đầy đủ đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục các cháu. Trường được xây dựng bán kiên cố, các phòng học đa số là nhà ở của dân cải tạo lại nên diện tích hơi chật, điểm 1 chưa có nhà vệ sinh khép kín. Diện tích khuôn viên 2039m2; diện tích sân chơi 945m2; diện tích xây dựng 1094m2; tỷ lệ bình quân 2,2m2/trẻ**.** Số phòng học là 14, diện tích trung bình 40 - 45m2/ phòng, các phòng học đều có đủ ánh sáng, thoáng, sạch, được trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi phù hợp lứa tuổi.

Các tổ chức đảng, đoàn thể: Chi bộ có 23 đảng viên. Trong đó đảng viên chính thức 22, đảng viên dự bị 01. Các đảng viên đều là lực lượng nòng cốt, luôn đi đầu trong các phong trào; Công đoàn: có 50/50 công đoàn viên. Công đoàn thực hiện đúng Điều lệ và tích cực vận động công đoàn viên tham gia xây dựng tổ chức công đoàn, hoạt động xã hội; Chi đoàn: có 11 đoàn viên, tham gia tốt các phong trào do nhà trường và địa phương phát động; có 01 chi hội khuyến học và chi hội chữ thập đỏ hoạt động hiệu quả.

Trong quá trình hình thành và phát triển với sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ trường đã đạt nhiều thành tích như: đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” nhiều năm liền, Bằng khen Thành phố, chi bộ đạt tiêu biểu năm 2017, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018; đạt danh hiệu “Đơn vị văn hóa” cấp huyện nhiều năm liền.

Trường tham gia tốt các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động; được Công đoàn giáo dục huyện khen thưởng 5 năm thực hiện tốt cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”; công đoàn đạt “Vững mạnh xuất sắc”; đoàn thanh niên đạt “Chi đoàn mạnh” nhiều năm liền; có 02 đoàn viên được tuyên dương giáo viên trẻ tiêu biểu và gương thanh niên tiên tiến đất vườn trầu cấp huyện.

1. Mục đích tự đánh giá:

Kiểm định chất lượng giáo dục giúp nhà trường xác định mức độ đạt được về mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Qua kết quả tự đánh giá giúp cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường, từ đó có biện pháp khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Thực hiện Thông tư số19/2018/TT-BGDĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non Bé Ngoan tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Cử cán bộ quản lý tham dự tập huấn công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non do do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh tổ chức vào ngày 04,05,06 tháng 01 năm 2019

Ngày 17 tháng 11 năm 2019, Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi họp Hội đồng sư phạm và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Từ ngày 18 tháng 12 năm 2019 đến ngày 11 tháng 01 năm 2020: Các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Ngày 11 tháng 01 năm 2020 đến 01 tháng 02 năm 2020: Thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 đến ngày 08 tháng 02 năm 2020: Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp.

Ngày 15 tháng 02 năm 2020: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố bảng báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

Thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài ngày 20 tháng 02 năm 2020 với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:** Trường mầm non Bé Ngoan có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Cơ cấu tổ chức của trường gồm có: Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần trách nhiệm cao, năng động trong công việc; thực hiện tốt các phong trào thi đua và hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

*Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục [H1-1.1-01] phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thể hiện bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt vào ngày 15 tháng 09 năm 2017 [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được niêm yết vào tháng 9 năm 2017, tại bảng công khai của nhà trường [H1-1.1-06]. Tuy nhiên, hình thức công khai chưa được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể [H1-1.1-03]; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch xây dựng và phát triển [H1-1.1-05]. Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược.

**3. Điểm yếu**

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường chưa được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường trong những năm trước, chưa được phổ biến đến cha mẹ trẻ và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 12 năm 2019 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo văn thư đăng tải kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trên trang thông tin điện tử, tổ chức mời Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia phối hợp lấy ý kiến đóng góp, trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến năm 2020 và các năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

*Mức 1:*

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Mầm non Bé Ngoan có Hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 09 thành viên [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]. Ngoài ra nhà trường còn thành Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-01].

Các hội đồng hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non theo văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015. Đảm bảo các chế độ hội họp [H1-1.2-02].

Các hội đồng hoạt động Hội đồng trường được rà soát định kỳ và đánh giá trong từng giai đoạn, thực hiện đầy đủ các báo cáo và có đánh giá về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng [H1-1.2-02].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả như theo dõi việc thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực của cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các phong trào hỗ trợ nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi, xét sáng kiến kinh nghiệm đúng thời gian quy định góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04]. Tuy nhiên một số thành viên trong hội đồng trường chưa mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng đội ngũ.

**2. Điểm mạnh**

Trường có hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

**3. Điểm yếu**

Một số thành viên trong hội đồng trường chưa mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng đội ngũ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 12 năm học 2019-2020 Chủ tịch Hội đồng sẽ gợi ý cho các thành viên trong hội đồng trường mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng đội ngũ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

*Mức 1:*

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

*Mức 3:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có các đoàn thể và các tổ chức khác được cơ cấu tổ chức theo quy định: Tổ chức công đoàn cơ sở gồm 50 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01], tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trực thuộc Đoàn Thị Trấn [H1-1.3-02]. Trường có các tổ chức xã hội: Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03], Hội khuyến học [H1-1.3-04]

Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 11 đoàn viên hoạt động theo sự chỉ đạo trực thuộc Đoàn Thị Trấn [H1-1.3-02]. Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo chỉ đạo của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn và thực hiện tham gia hoạt động chữ thập đỏ[H1-1.3-03], hội khuyến học hoạt động chăm lo cho học sinh [H1-1.3-04].

Hằng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác được rà soát, đánh giá*.* Công đoàn cơ sở đạt vững mạnh, chi đoàn đạt vững mạnh [H1-1.3-05].

Mức 2:

Trường có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy Thị Trấn Hóc Môn được cơ cấu, tổ chức hoạt động theo khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam, chi bộ gồm có 23 đảng viên, cấp ủy gồm 03 đồng chí do Hiệu trưởng là Bí thư chi bộ, đồng chí phó hiệu trưởng là phó bí thư chi bộ, một đồng chí phó hiệu trưởng là chi ủy viên theo quyết định chuẩn y của Đảng ủy Thị Trấn [H1-1.3-06]. Chi bộ tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định để đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường[H1-1.3-06].

Công đoàn đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động của công đoàn, tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, chấp hành pháp luật [H1-1.3-01]. Đoàn thanh niên thực hiện các công trình thanh niên do chi đoàn đề ra phương hướng [H1-1.3-02], Hội chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của hội chữ thập đỏ huyện [H1-1.3-03], Hội khuyến học vận động nuôi heo đất, chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn [H1-1.3-04].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp, có 03 năm từ 2014 đến 2017 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, năm 2018 đạt tiêu biểu. Năm 2019 được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-06].

Công đoàn đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-01], Chi đoàn đạt nhiều giải trong các phong trào [H1-1.3-02], tuy nhiên Hội khuyến học nhà trường chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn hình thức chưa đa dạng phong phú.

**2. Điểm mạnh**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Hội khuyến học nhà trường chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn hình thức chưa đa dạng phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 – 2020 và những năm tiếp theo, Hội khuyến học hội khuyến học tiếp tục đề ra nhiều biện pháp để chăm lo cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục tham gia học tập.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

*Mức 1:*

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

*Mức 3:*

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường mầm non Bé Ngoan năm học 2019-2020 có 14 nhóm lớp có Ban giám hiệu gồm 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng có đủ năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.4-01].

Trường Mầm non Bé Ngoan có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng do hiệu trưởng ra quyết định thành lập, tổ chuyên môn gồm có tổ giáo viên và tổ cấp dưỡng. Tổ giáo viên có 4 tổ (tổ nhà trẻ có 13 giáo viên, tổ mầm có 6 giáo viên, chồi có 6 giáo viên, lá có 6 giáo viên), tổ cấp dưỡng có 05 nhân viên (01 tổ trưởng, 04 tổ viên), tổ văn phòng có 16 nhân viên (01 tổ trưởng – y tế, 01kế toán, 01 văn thư, 03 phục vụ, 04 bảo vệ) [H1-1.4-02]

Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/1 lần [H1-1.4-04].

Mức 2:

Năm học 2018 - 2019 tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện 02 chuyên đề cấp trường chuyên đề “Các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non” chuyên đề “Nâng cao chất lượng đổi mới tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non”[H1-1.4-05].

Hằng tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt đều đặn và có thảo luận đóng góp xây dựng chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động của nhà trường, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-04].

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05]. Tuy nhiên giáo viên chưa đưa ra những nội dung thảo luận sâu để nâng cao chất lượng chuyên môn.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

**3. Điểm yếu**

Các giáo viên chưa đưa ra những nội dung thảo luận sâu, để nâng cao chất lượng chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2019 - 2020 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng tiếp tục phân công phó hiệu trưởng dự giờ họp tổ chuyên môn hướng dẫn gợi mở để các tổ thảo luận chuyên môn sâu hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

*Mức 1:*

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

*Mức 2:*

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

*Mức 3:*

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có 14 nhóm lớp trong đó 05 nhóm nhà trẻ (01 nhóm 13-18 tháng; 01 nhóm 19-24 tháng; 03 nhóm 25-36 tháng) và 9 lớp mẫu giáo (03 lớp mầm; 03 lớp chồi; 03 lớp lá). 100% cháu đều được học bán trú tại trường [H1-1-05-01].

100% học sinh được nhà trường tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-01].

Năm học 2018-2019 trường có 01 trẻ khuyết tật trí tuệ được xếp vào lớp lá 2 [H1-1-05-02].

Mức 2

Năm học 2018-2019 toàn trường có tổng số 462 trẻ trong đó:

* 01 nhóm 13-18 tháng (05 trẻ)
* 01 nhóm 19-24 tháng (19 trẻ)
* 03 nhóm 25-36 tháng (64 trẻ)
* 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (124 trẻ)
* 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi ( 107)

Năm học 2019-2020 số trẻ của lớp mẫu giáo 4-5 tuổi còn cao so với Điều lệ trường mầm non [H1-1-05-01].

Mức 3:

Nhà trường có 09 lớp mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01]. Tuy nhiên số học sinh lớp chồi còn đông vượt chỉ tiêu cho phép.

**2. Điểm mạnh**

Trường có các nhóm lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ngày.

**3. Điểm yếu**

Số trẻ của các lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi còn cao theo Điều lệ trường mầm non.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 – 2020 và những năm tiếp theo, trường duy trì trẻ đúng độ tuổi đủ số lượng theo quy định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

*Mức 1:*

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

*Mức 2:*

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

*Mức 3:*

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường mầm non Bé Ngoan quản lý hồ sơ, sổ sách của nhà trường sắp xếp khoa học được thực hiện đúng theo quy định của Luật Lưu trữ như: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-01]; Hồ sơ thi đua [H1-1.6-01]; Hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-02]; Sổ công văn đi, đến [H1-1.6-03]; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-04]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-05].

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-04]; Thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-04]. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ thông qua Hội nghị cán bộ công chức hằng năm để đuợc bổ sung, cập nhật kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-06].

Hằng năm, có xây dựng quy chế sử dụng tài chính, tài sản đúng theo mục đích, có hiệu quả phục vụ cho hoạt động giáo dục [H1-1.6-04].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục [H1-1.6-07]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-07].

Trong 5 năm qua nhà trường không vi phạm về công tác hành chính [H1-1.6-08].

Mức 3:

Nhà trường chưa thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp**.**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo hiệu trưởng phối hợp với kế toán thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên*.***

*Mức 1:*

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, Hiệu trưởng căn cứ vào kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của Phòng giáo dục và đào tạo, căn cứ vào thống kê trình độ chuyên môn của cán bộ, giáo viên, nhân viên, xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-01].

Vào đầu năm học, hiệu trưởng xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo đạt hiệu quả hoạt động của nhà trường, được cán bộ quản lý họp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.4-02]

Nhà trường đảm bảo việc thực hiện đúng chế độ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng ngày lễ, tết, chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nâng lương, chế độ tham quan học tập, khám sức khỏe 01 lần/năm, được nghỉ chế độ đau ốm, thai sản theo chế độ chính sách quy định; hiệu trưởng tạo điều kiện để giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.6-04]

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như: Tham gia học các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp học nâng cao [H1-1.7-02]. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn [H1-1.4-04], thực hiện các chuyên đề cấp trường [H1-1.4-05]. Qua đó đã phát huy được tính tự giác, tính tích cực, tính sáng tạo của đội ngũ. Đổi mới phương pháp trên cơ sở [sử dụng](https://gdnn.edu.vn/tag/su-dung) và khai thác khả năng các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, cách thức kiểm tra - đánh giá trong đào tạo, bồi dưỡng [H1-1.8-03]. Tuy nhiên còn một số giáo viên mới phát huy tính độc lập của giáo viên.

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

1. **Điểm yếu**

Nhà trường chưa có biện pháp để phát huy tính độc lập của giáo viên mới ra trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn xây dựng đề ra các biện pháp phát huy tính tự giác, tính sáng tạo, tính tích cực học tập của đội ngũ giáo viên mới ra trường. Tổ chức các phong trào, các hội thi, các hoạt động tập thể, xây dựng các trò chơi… để tập tính mạnh dạn, tự tin, độc lập phát huy tố chất năng lực của giáo viên trẻ mới ra trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

*Mức 1:*

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp thông tư 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục vả Đào tạo sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.1-03].

Căn cứ vào kế hoạch năm học của trường, phó hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên lập kế hoạch giáo dục cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện đầy đủ cho từng lớp[H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục của các lớp được Tổ trưởng chuyên môn và Phó Hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-02], [H1-1.8-03].

Mức 2:

Trường có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động chăm sóc trẻ nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng. [H1-1.6-02]. Trong năm 2019-2020, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục mới, phó hiệu trưởng mới nên chưa mạnh dạn chỉ đạo đội ngũ trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; đồng thời có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, phù hợp mang lại hiệu quả trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục mới được điều động về đơn vị nên chưa mạnh dạn chỉ đạo hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 02/2020 Hiệu trưởng hỗ trợ phó hiệu trưởng chuyên môn mới nhận công tác theo sát công tác kiểm tra, đánh giá và chỉ đạo giáo viên thực hiện nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã đề ra để đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

*Mức 1:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng cho mọi hoạt động nhà trường như: Tổ chức bình bầu và xét chọn các danh hiệu thi đua đúng với quy định [H1-1.6-01], xây dựng nội quy cơ quan, nội dung thi đua thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm [H1-1.9-02] xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-06] vào đầu năm học, hiệu trưởng xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường theo Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 ngày 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập dưới sự giám sát của công đoàn và Ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-01].

Thông qua buổi họp tại các tổ hằng tháng, các kiến nghị, bức xúc và phản ánh của giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh về thực hiện nhiệm vụ được giao, về quyền lợi và các chế độ chính sách được hiệu trưởng và Ban chấp hành công đoàn lắng nghe, tiếp thu và phối hợp cùng giải quyết đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và nội quy nhà trường. Vì vậy, trong những năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường [H1-1.9-03].

Hằng năm, nhà trường thực hiện chế độ báo cáo quy chế dân chủ của cơ sở chính xác, đúng quy định, đúng thời gian đến phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng thực hiện báo cáo quy chế dân chủ đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đúng theo quy định [H1-1.9-02]

Mức 2:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc nguyên tắc dân chủ trong quản lý nhà trường, công khai đến tập thể sư phạm, niêm yết tại bản tin trường [H1-1.1-06], thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với các cá nhân, tổ khối…bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp và hằng tháng [H1-1.6-02]. Ban thanh tra nhân dân thực hiện công tác giám sát việc quản lý và sử dụng tài chính của nhà trường đảm bảo theo đúng quy định [H1-1.9-05] Qua đó, giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Tuy nhiên, có những cá nhân chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến, thắc mắc xây dựng nhà trường

2.**Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Còn một số cá nhân chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến, thắc mắc xây dựng nhà trường**.**

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020 và những năm học tiếp theo hiệu trưởng luôn coi trọng và phát huy quyền làm chủ của đội ngũ thực hiện nghiêm túc Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hằng năm, nêu rõ trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, phát huy tính nội lực để đội ngũ mạnh dạn thực hiện dân chủ trực tiếp tránh tình trạng có đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

*Mức 1:*

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

*Mức 2:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm.; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.7-02]. Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ, bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1.1.10-01]

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.9-03]; Nhà trường xây dựng quy tắc ứng xử giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.10-02];

Nhà trường không có tình trạng phản ánh từ phụ huynh, lãnh đạo, người dân về tình trạng kỳ thị đối với giáo viên, trẻ có hoàn cảnh khó khăn[H1-1.9-03], không có hành vi bạo lực giữa giáo viên với trẻ, giữa trẻ với trẻ, không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-02].

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-03].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.10-04]. Tuy nhiên phương án phòng chống cháy nổ chưa được thực hành hằng năm

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của phụ huynh; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.Tuy nhiên các phương án phòng chống cháy nổ chưa được tập huấn từng năm.

**3. Điểm yếu**

Các phương án phòng chống cháy nổ chưa được công an phòng cháy chữa cháy tập huấn từng năm.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng sẽ thực hiện hợp đồng với Công an phòng cháy chữa cháy tập huấn phương án phòng chống cháy nổ trong nhà trường.

**Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính rỏ ràng, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, có đủ đội ngũ làm việc. Có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng được nhà trương phát động và thực hiện thi đua khen thưởng . Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Luôn tham gia các phong trào thi đua của ngành và của trường.

**Điểm yếu cơ bản:**

Các kế hoạch các phương hướng chưa được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của trường, các phong trào tham gia chưa đạt thành tích cao, phương hướng chưa điều chỉnh kịp thời, tổ chuyên môn hoạt động chưa đi vào chiều sâu chưa được đánh giá kịp thời và điều chỉnh để nâng cao chất lượng chuyên môn, còn một, hai lớp số lượng vượt quy định. Hoạt động Hội khuyến học chưa phong phú, đa dạng. Tổ cấp dưỡng, tổ hành chánh quản trị chưa xây dựng được kế hoạch hoạt động của tổ.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu**: 10/10

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu**: 00/00

**Tiêu chuẩn 2:** **Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực để tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đây là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường.Các thành viên trong nhà trường luôn có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực trong công việc, luôn học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ công khai, nghiêm túc, hiệu quả, đảm bảo được quyền lợi của cán bộ, giáo, viên, nhân viên.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

*Mức 3:*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường mầm non Bé Ngoan có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng có đủ năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường. Hiệu trưởng có thời gian công tác là 31 năm, Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác là 17 năm trong đó có 3 năm làm công tác quản lý, Phó Hiệu trưởng phụ trách giáo dục mới. Hiệu trưởng có bằng cử nhân quản lý, hai phó hiệu trưởng có bằng Đại học Sư phạm mầm non, Cán bộ quản lý đã qua lớp Trung cấp lý luận chính trị [H1-1.4-01].

Hằng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại xuất sắc theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2.2.1-01].

Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, lớp bồi dưỡng chuyên viên, Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng đã qua lớp bồi dưỡng Hiệu trưởng [H1.1.4-01], [H1-1.7-02].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp Hiệu trưởng được trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt loại khá trở lên [H2-2.1-01]

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính tri - hành chính [H1.1.4-01]. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có 4 năm được đánh giá xuất sắc, 01 năm được đánh giá khá [H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường có thời gian công tác thâm niên liên tục trong ngành giáo dục mầm non; hằng năm được tập thể nhà trường đánh giá đạt mức khá trở lên. Có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức các hoạt động dạy và chăm sóc trẻ trong nhà trường, có đầy đủ văn bằng đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có lối sống đạo đức tốt, gương mẫu trong đội ngũ.

**3. Điểm yếu**

Phó hiệu trưởng mới nên chưa mạnh dạn góp ý xây dựng đồng nghiệp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cán bộ quản lý tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để có kinh nghiệm hơn nữa trong công tác quản lý.

Năm học 2019-2020 Hiệu trưởng hỗ trợ cho phó hiệu trưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ và đóng góp xây dựng chuyên môn cho giáo viên.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

*Mức 1:*

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**2.2.1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổng số giáo viên hiện nay là 31/14 nhóm, lớp [H1-1.4-01],

Trường có 31/31 giáo viên đạt trình độ chuẩn về chuyên môn giáo viên 100%, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn 27/31 – tỷ lệ 87 % [H2-2.2-01]

Hằng năm, nhà trường đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên, 100% giáo viên đạt mức khá, tốt trở lên, không có trường hợp đạt yêu cầu [H2-2.1-01].

Mức 2:

Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm tháng 12 năm 2019 có 27/31 giáo viên đạt tỷ lệ 87%, trong đó có 17/31 giáo viên trình độ Đại học sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 54.8%; 10/31 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 32.2%, được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình bồi dưỡng [H2-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp từ năm 2014 – 2015 đến năm 2018- 2019 được đánh giá như sau:

+ Năm học 2014 – 2015: Có 2/30 giáo viên đánh giá đạt tốt – tỷ lệ 6.6%; 28/30 giáo viên đánh giá khá - tỷ lệ 93.3%.

+ Năm học 2015-2016: Có 3/30 giáo viên đánh giá đạt tốt – tỷ lệ 10%; 27/30 giáo viên đánh giá khá – tỷ lệ 90 %.

+ Năm học 2016-2017: Có 5/30 giáo viên đánh giá đạt tốt - tỷ lệ 16.7%; 25/30 giáo viên đánh giá khá – tỷ lệ 83.3.

+ Năm học 2017-2018: Có 22/30 giáo viên đánh giá đạt tốt –tỷ lệ 73.3%; 8/30 giáo viên đánh giá khá – tỷ lệ 26.7%.

+ Năm học 2018- 2019: Có 29/29 giáo viên đánh giá đạt khá - tỷ lệ 100%. [H2-2.1-01]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2.2.1-01] [H1-1.6-01]

Mức 3:

Trong năm học 2019-2020, nhà trường có 27/31 giáo viên đạt tỷ lệ 87%, trên chuẩn [H2-2.2-01]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá đạt 29/31 tỷ lệ 93.5%, số giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt chưa đạt 30% hàng năm [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định và đều đạt chuẩn 31/31giáo viên – tỷ lệ 100%, trong đó đạt trên chuẩn 27/31 giáo viên – tỷ lệ 87%, Năm học 2018-2019, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường còn 04/31 - tỷ lệ 12.9% giáo viên đạt trình độ trung cấp, đánh giá chuẩn giáo viên hàng năm chưa đạt tốt 30%

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện thời gian cho 02 giáo viên trình độ trung cấp, 3 giáo viên trình độ Cao đẳng tham gia học Đại học Sư phạm mầm non, dự kiến hoàn thành tốt nghiệp vào năm học 2020 - 2021. Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia dự giờ, tham khảo tài liệu nâng cao chuyên môn nâng cao chuẩn nghề nghiệp.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

*Mức 1:*

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

*Mức 2:*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường mầm non Bé Ngoan có tất cả là 16 nhân viên, trong đó 04 nhân viên phục vụ, 04 bảo vệ, 05 cấp dưỡng, 01 y tế, 01 kế toán, 01 văn thư [H1-1.4-01]. Nhân viên y tế có trình độ trung cấp y sĩ, kế toán có trình độ Đại học đúng chuyên môn, nhân viên văn thư chỉ qua lớp bồi dưỡng chuyên môn, 03 bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ theo công việc được giao, 05 cấp dưỡng 03 đã qua đào tạo sơ cấp nấu ăn, 02 có trình độ trung cấp nấu ăn [H1-1.4-01].

Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao, theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, theo đề án vị trí việc làm[H1-1.4-02] .

Nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao [H2-2.1-02].

Mức 2:

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường: 01 kế toán, văn thư, 01 nhân viên y tế kiêm thủ quỹ, 03 bảo vệ, 04 nhân viên phục vụ, 05 cấp dưỡng [H1-1.4-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H.2.1-02], [H.1.1-04].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: Kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán; Y tế có trình độ trung cấp y sĩ; cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn, có 02 cấp dưỡng có bằng Trung cấp nấu ăn; 01nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ [H1-1.4-01].

Hằng năm, chưa được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Nhân viên kế toán và y tế có trình độ trung cấp, đại học, tất cả nhân viên cấp dưỡng đều đã qua lớp sơ cấp, trung cấp nấu ăn, thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

**3. Điểm yếu**

Bảo vệ chưa được bồi dưỡng chuyên môn hàng năm

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020, cán bộ quản lý đề xuất Phòng giáo dục mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ tham gia.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực để tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đều có tâm huyết với nghề, hoàn thành tốt công tác được giao, không có giáo viên xếp loại yếu kém và bị kỷ luật. Nhân viên y tế và kế toán có trình độ đúng chuyên môn, cấp dưỡng đang tham gia lớp trung cấp nấu ăn. Các nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

**Điểm yếu cơ bản:**

Phó hiệu trưởng mới chưa mạnh dạn góp ý, giáo viên chưa đạt trên chuẩn 100%, bảo vệ chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 03/03.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/03.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đóng vai trò quan trọng, góp phần không nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ và nâng cao chất lượng hoạt động dạy học trong nhà trường. Trường mầm non Bé Ngoan đa số các phòng học đều là nhà ở cải tạo tuy nhiên có tường rào, cổng trường chắc chắn, lớp học thoáng mát, sạch sẽ, đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp lứa tuổi và được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi an toàn, phù hợp. Sân trường tuy chật hẹp nhưng có đủ các loại đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho nhu cầu hoạt động của trẻ. Hằng năm, nhà trường luôn có kế hoạch bổ sung, thay thế, mua sắm thêm dụng cụ, đồ dùng, trang thiết bị cho các lớp đáp ứng nhu cầu dạy và học.

**Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

*Mức 1:*

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

*Mức 2:*

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

*Mức 3:*

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường mầm non Bé Ngoan nằm tại khu vực Thị Trấn Hóc Môn, có 01 điểm chính và 02 điểm phụ được xây dựng bán kiên cố, là nhà ở của dân cải tạo lại có tổng diện tích xây dựng là: 2039m2 [H3-3.1-01].

Xung quanh trường được bao bọc vòng rào bằng bê tông, có bảng tên trường đặt ở phía trước có ghi tên, địa chỉ của từng điểm trường [H3-3.1-02].

Nhà trường có sân chơi tổng diện tích sân chơi là 945m2, có trồng cây xanh tạo bóng mát. Sân trường có trang bị nhiều loại đồ chơi ngoài trời phù hợp với lứa tuổi trẻ, bố trí hợp lý giúp trẻ hứng thú khi tham gia họat động.[H3-3.1-03].

Mức 2:

Trường là do tiếp quản từ nhà dân cải tạo nên diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn chưa đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01].

Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, sân chơi nhỏ hẹp 945m2 chưa đảm bảo đủ diện tích tuy nhiên nhà trường vẫn trồng cây xanh tạo bóng mát sân trường và thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa, có trồng một số loại rau cho trẻ chăm sóc, tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02] .

Khu vực sân chơi có một số thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định [H3-3.1-03].

Mức 3:

Sân vườn không có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động mà tận dụng hết các khoản trống của sân để cho trẻ hoạt động [H3-3.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Các điểm đều có tường rào bao chắn đảm bảo an toàn cho trẻ, các lớp học được nâng cấp hằng năm để đảm bảo an toàn cho trẻ.

**3. Điểm yếu**

Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn chưa đảm bảo theo quy định. Phòng lớp chưa đúng quy cách, do tiếp nhận từ nhà dân cải tạo lại.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 -2020 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng tài chính – Kế hoạch và Phòng Giáo dục – Đào tạo có hướng cải tạo, sửa chữa hoặc xây mới trường mầm non Bé Ngoan đạt chuẩn.

**Tự đánh giá:**Đạt Mức 1

**Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập**

*Mức 1:*

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

*Mức 2:*

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

*Mức 3:*

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

Trường có 14 phòng học, trong đó có 05 phòng nhóm nhà trẻ và 9 phòng lớp mẫu giáo [H3-3.2-02].

Đa số các phòng học là nhà ở cải tạo lại vừa học vừa ăn vừa ngủ, giáo viên sắp xếp môi trường nhóm lớp phù hợp lứa tuổi trẻ [H3-3.2-02].

Phòng có đủ ánh sáng, đủ hệ thống đèn quạt, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.2-02].

Mức 2:

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục nghệ thuật chưa đạt chuẩn theo quy định nhưng có tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc [H3-3.2-02]. Chỉ có điểm phụ 02 có phòng âm nhạc [H3-3.2-01].

**2. Điểm mạnh:**

Có đủ phòng học cho trẻ được xây dựng kiên cố, trẻ được phân chia đúng độ tuổi.

**3. Điểm yếu:**

Trường không có phòng riêng biệt, không có hiên chơi riêng, diện tích phòng không cùng một kích cỡ như nhau có phòng lớn, phòng nhỏ, không được xây dựng theo tiêu chuẩn do là nhà ở cải tạo lại. Không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2019- 2020 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng tài chính – Kế hoạch và Phòng Giáo dục và Đào tạo có hướng cải tạo, sửa chữa hoặc xây mới trường mầm non Bé Ngoan đạt chuẩn theo yêu cầu.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 1

**Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị**

*Mức 1:*

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

*Mức 2:*

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

*Mức 3:*

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Mầm Non Bé Ngoan có 01 văn phòng có diện tích 12m2 chỉ có bộ bàn ghế tiếp khách không có chỗ để bàn ghế họp; có tủ nhưng để nơi chật hẹp [H3-3.3-01].

Văn phòng có bảng tên, có đầy đủ trang thiết bị, phương tiện làm việc [H3-3.3-01]. Có một phòng hành chính quản trị có diện tích là 35 m2 gồm 01 kế tóan, 01 thũ quỹ, 01 văn thư, hai hiệu phó [H3-3.3-01].

Trường có nơi để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhưng diện tích hẹp, chưa đủ chỗ để xe, đảm bảo an toàn tiện lợi, trật tự [H3-3.3-02].

Mức 2:

Diện tích của văn phòng và phòng hành chánh quản trị chưa đủ diện tích, chật hẹp [H3-3.3-01].

Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn nhưng chưa tiện lợi vì xe để trước lớp học và bên cạnh bếp [H3-3.3-02].

Mức 3:

Trường chưa có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non

**2. Điểm mạnh:**

Trường có một phòng hành chính quản trị có đủ đồ dùng làm việc và sắp xếp ngăn nắp gọn gàng. Có nhà để xe cho cán bộ giáo viên và nhân viên

**3. Điểm yếu:**

Nhà trường chưa có đủ các phòng chức năng theo quy định, nhà để xe còn quá chật không đủ chỗ để xe. Các phòng chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm 2019-2020 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng tài chính – Kế hoạch và Phòng Giáo dục – Đào tạo có hướng cải tạo, sửa chữa hoặc xây mới trường mầm non Bé Ngoan đạt chuẩn theo yêu cầu.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 1

**Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn**

*Mức 1:*

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Trường có 1 tủ lưu mẫu thức ăn.*

*Mức 2:*

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

*Mức 3:*

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có một bếp ăn diện tích 49m2, được sắp xếp theo quy trình bếp một chiều được xây dựng kiên cố. có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như: tủ hấp cơm, máy xay thịt [H3-3.4-01].

Trường có một kho chứa gạo và thực phẩm dùng hàng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn   
thực phẩm, có bảng ghi tồn kho theo quy định [H3-3.4-02].

Trường có 1 tủ lưu mẫu thức ăn chỉ dàng riêng lưu mẫu để nhiệt độ đúng quy định [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn chưa đủ diện tích, được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp 1 chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xắt thái, khu chế biến, khu chia thức ăn [H3-3.4-01]. Có đầy đủ đồ dùng bằng inox như : tủ hấp cơm, máy xay thịt, máy xay sinh tố, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện [H3-3.4-03]. Không có hệ thống hút khói [H3-3.4-01].

Mức 3:

Bếp ăn chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kho lưu chứa gạo và thực phẩm dùng hàng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn.

**3. Điểm yếu**

Diện tích bếp ăn không đủ diện tích

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2019 - 2020 hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng tài chính – Kế hoạch và Phòng Giáo dục – Đào tạo có hướng cải tạo, sửa chữa hoặc xây mới trường mầm non Bé Ngoan đạt chuẩn theo yêu cầu.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 1

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

*Mức 1:*

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

*Mức 2:*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

*Mức 3:*

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có trang bị đồ dùng, đồ chơi cho các lớp theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo [H3-3.5-01].

Các loại đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục do giáo viên tự làm, phụ huynh hỗ trợ hoặc ngoài danh mục quy định đều đảm bảo tính giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.05-01].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản, phát hiện kịp thời những thiết bị đồ dùng, đồ chơi hư hỏng để sửa chữa và nâng cấp phục vụ cho nhu cầu hoạt động của cô và trẻ [H3-3.05-02].

Mức 2:

Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: Phần mềm Imas, EPmis, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản [H3.3.05-03]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập các trò chơi Kidmas [H3-3.2-02].

Nhà trường có thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3-05-01] .

Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để cho phù hợp như: Các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (đồ chơi âm nhạc [H3.3.5-04] nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy có trang bị đồ dùng đồ chơi nhưng số lượng còn hạn chế.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định chưa sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3.3.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định và có kiểm tra phát hiện hư hỏng để sửa chữa kịp thời, có kế hoạch mua sắm, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi.

**3. Điểm yếu**

Tuy có trang bị đồ dùng đồ chơi nhưng số lượng còn hạn chế do kinh phí cho từng năm có hạn. đồ chơi tự làm dễ hỏng chưa được sử dụng lâu dài.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2019 - 2020 và những năm tiếp theo, ban giám hiệu xây dựng kế huy động các nguồn lực để trang bị thêm đồ dùng, đồ chơi đầy đủ theo danh mục, đầu tư làm đồ dùng đồ chơi cá chất lượng đạt hiệu quả.

**5.** **Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

*Mức 1:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

*Mức 2:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường mầm non Bé Ngoan có 01 điểm chính và 02 điểm phụ Tổng số 14 phòng học, điểm phụ 01 có 04 phòng học đều có nhà vệ sinh riêng, 01 nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên. Điểm phụ 02 có 05 lớp học mỗi lớp có nhà vệ sinh trong lớp 01 nhà vệ sinh giáo viên. Điểm chính có 05 lớp học nhưng chỉ có 01 nhà vệ sinh chung và 02 nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhà vệ sinh có lavabo cho trẻ rửa tay, nhà vệ sinh trẻ có vách ngăn, phân biệt nam, nữ. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. Phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật [H1.1.10-01].

Hệ thống nước thải được lưu dẫn ra cống thoát đảm bảo vệ sinh [H3.3.5-03]. Sử dụng nguồn nước sạch để chế biến thức ăn và uống, các cháu được uống nước đun sôi để nguội. Sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân, có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H1.1.10-01].

Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với công ty Bảo Tín thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường không có rác thải, nước thải tồn đọng, trường có thùng đựng và phân loại rác thải, các lớp đều có thùng rác tại lớp, các lớp sử lý rác thải hàng ngày [H3.3.5-03].

Mức 2:

Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện cho việc sử dụng nhưng vì nhà ở cải tạo lại xây dựng chưa phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H1.1.10-01];

Nhà trường sử dụng hệ thống nước sạch, hệ thống cung cấp nước sạch của công ty cung cấp nước Trung An [H3-3.5-03], [H1-1.6-04].

**2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh, nhà vệ sinh riêng, đảm bảo khô ráo sạch sẽ.

**3. Điểm yếu**

Điểm chính các lớp không có nhà vệ sinh khép kín, chưa đúng theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2019 - 2020 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng tài chính – Kế hoạch và Phòng Giáo dục – Đào tạo có hướng cải tạo, sửa chữa hoặc xây mới trường mầm non Bé Ngoan đạt chuẩn theo yêu cầu.

**5.Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trường được bao bọc vòng rào bằng bê tông, có trồng cây xanh tạo cảnh quang môi trường, có đủ số phòng cho trẻ hoạt động, có trang bị các thiêt bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo đủ nước sạch, nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sữa sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

**Điểm yếu cơ bản:**

Sân chơi, lớp học chưa đảm bảo diện tích quy định, điểm chính chưa có nhà vệ sinh khép kín, chưa có đủ các phòng chức năng, diện tích bếp ăn và chỗ để xe cho nhân viên còn chật hẹp. Trường có 3 điểm nên chuyển thức ăn từ nhà bếp đến nơi trẻ ăn mất thời gian, tốn nhân công.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 06/06.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/06.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:** Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định, phối hợp tốt với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc nuôi dạy trẻ. Ban Đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của trường. Hằng năm, trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng nhà trường ngày càng khang trang, sạch đẹp, tạo môi trường giáo dục tốt, từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ**

*Mức 1*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

*Mức 3*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Mỗi lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu tại Đại hội của lớp [H4-4.1-01]. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu ra trong Đại hội cha mẹ học sinh đầu năm [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh có đề ra kế hoạch hoạt động theo từng năm học [H4-4.1-01].

Hàng năm nhà trường có tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ năm 03 lần trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khỏe và hoạt động của trẻ [H4-4.1-01].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-01]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H4-4.1-02]. Tuy nhiên một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường, giáo viên các lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc để có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.1-03].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đàotạo ban hành [H4-4.1-04], [H1.1.1-04].

1. **Điểm mạnh:**

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh, có xây dựng kế hoạch và hoạt động theo quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên quan tâm và hỗ trợ nhiệt tình các hoạt động của trường, lớp.

**3. Điểm yếu:**

Một số phụ huynh chưa phối hợp tốt với nhà trường và giáo viên trong việc chăm sóc trẻ béo phì nên kết quả phòng chống béo phì chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Số phụ huynh đến dự nghe tuyên truyền còn ít

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2019-2020 ban giám hiệu tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền nhằm giúp cha mẹ trẻ thấy được tác hại của bệnh béo phì, vận động phụ huynh phối hợp cùng giáo viên để làm tốt công tác chăm sóc trẻ béo phì. Tổ chức thời gian địa điểm phù hợp để thuận lợi cho phụ huynh đến nghe báo cáo chuyên đề.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.**

*Mức 1*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

*Mức 2*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

*Mức 3*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Nhà trường tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Thị Trấn ban hành các văn bản, chính sách hỗ trợ trẻ mầm non như: Phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi [H1.1.1-04]. Đề xuất Ủy ban nhân dân xã các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; Ký kết quy chế phối hợp với công an [H4-4.2-01]. Đăng ký xây dựng công sở văn minh – sạch đẹp – an toàn; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ, hằng năm Ủy ban nhân dân Thị Trấn kiểm tra và công nhận đơn vị đạt tiêu chuẩn “Đơn vị văn hóa” [H4-4.2-01].

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường qua các cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm [H4-4.1-01]. Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương không để tình trạng mua bán lấn chiếm cổng trường gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H4-4.1-01].

Nhà trường huy động các nguồn hợp pháp tự phụ huynh học sinh để chăm lo cho trẻ [H4-4.1-04].

Mức 2

Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc Khơ-me theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp các cháu tiếp tục đến trường [H1.1.6-04] hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4.4.2-05].Tham mưu với phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất xây dựng trường Chuẩn quốc gia mức độ 1, xây dựng Đơn vị văn hoá, trường học An toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị [H4-4.2-01], tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1.1.1-01].

Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương [H4-4.2-02].

Mức 3

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp với các đoàn thể để thực hiệc tốt công tác chăm sóc nuôi dạy trẻ và đảm bảo an toàn cho trẻ.

**3. Điểm yếu**

Chưa cùng cấp ủy Đảng xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban Thị Trấn, phối hợp với quản lý thị trường ngăn chặn việc bán hàng rong trước cổng trường. Từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật**:

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, đặc biệt là tạo được mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh. Thực hiện phối hợp tốt giữa “Nhà trường – Gia đình – Xã hội” trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Chưa cùng cấp ủy Đảng xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02**

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

Trẻ mầm non được chăm sóc, giáo dục tốt sẽ góp phần giúp trẻ phát triển nhân cách tốt. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non sẽ là nền tảng vững chắc cho các bậc học tiếp theo. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, nuôi dạy trẻ đạt những kết quả mong muốn trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, hồn nhiên, mạnh dạn, tự tin, khỏe mạnh, thích tìm hiểu, khám phá thể giới xung quanh, có ý thức trong việc giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, biết tự phục vụ và làm một số việc vừa sức…Đó không chỉ là niềm vui của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường mà còn là sự mong đợi của cha mẹ trẻ. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện luôn là mục tiêu cơ bản mà tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường mầm non Bé Ngoan hướng đến. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện cho trẻ được khám phá, tham gia vào các hoạt động để giúp trẻ phát triển hài hòa các lĩnh vực về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non**

*Mức 1*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

*Mức 2*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

*Mức 3*

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-03], [H1.1.4-03].

Giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đề ra tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và cơ sở vật chất trong nhà trường. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager 8, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần và giáo án cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1.1.8-01].

Mỗi tháng, cán bộ quản lý nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.6-02], [H1-1.8-02], [H1-1.8-03].Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn giáo viên chưa đóng góp thảo luận nhiều, sổ chuyên môn ghi chép góp ý chưa nhiều trong thảo luận .

Mức 2

Đa số giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non thực hiện theo kế hoạch giảng dạy các tiết hoạt động đạt từ khá trở lên, chương trình giáo dục phù hợp từng lứa tuổi [H1-1.8-02]

Nội dung phát triển các lĩnh vực của trẻ, các hình thức giáo dục đa dạng 100% trẻ được đánh giá cuối năm. [H1-1.8-02], [H1-1.8-03].

Mức 3

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên thực hiện Giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đề ra tùy theo độ tuổi.

**3. Điểm yếu**

Sinh hoạt chuyên môn giáo viên chưa đóng góp thảo luận nhiều, sổ chuyên môn ghi chép góp ý chưa nhiều trong thảo luận.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2019- 2020 và những năm tiếp theo hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng giáo dục gợi mở các phương pháp, cung cấp tài liệu giúp giáo viên thảo luận sâu về chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

*Mức 1*

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

*Mức 2*

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

*Mức 3*

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường [H1-1.8-01].

Tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm giúp trẻ trãi nghiệm, hứng thú tham gia hoạt động phù hợp với đặc điểm của từng lứa tuổi [H5-5.2-01]

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa để trẻ được khám phá thế giới xung quanh, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp- nhóm- cá nhân [H4-4.2-02]

Mức 2

Nhà trường tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu, giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời [H5-5.2-01], [H3-3.2-02].

Mức 3

Giáo viên soạn kế hoạch phù hợp độ tuổi phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, trang bị các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động tận dụng các khoản trống của sân cho trẻ tham gia hoạt động. Tổ chức các trò chơi vận động, dân gian [H3-3.1-03], [H3-3.2-02], [H5-5.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi,

**3. Điểm yếu**

Trường không có sân rộng nên việc bố trí đồ dùng đồ chơi còn chật hẹp, khoản trống của sân không đủ cho trẻ tham gia hoạt động

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng , tận dụng tất cả những khoản trống của sân để tổ chức cho trẻ hoạt động, chia lịch hoạt động cho tùng nhóm nhỏ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

**Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe**

*Mức 1*

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 2*

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 3*

*Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho bé, ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với trạm y tế Thị Trấn chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H1.1.10-01].

Đầu năm học 2019-2020: 396/396 đạt 100% trẻ được khám sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H1.1.10-01].

Trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được theo dõi và thực hiện ăn theo chế độ vận động để cải thiện tình trạng dinh dưỡng [H1-1.10-01], [H1-1.6-05]

Mức 2

Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì [H4-4.1-02], [H4-4.1-01].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa, thực đơn trong tuần không trùng lấp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn phomai, trứng hàng ngày[H1.1.6-05].

Mức 3

Tính đến thời điểm đánh giá có 427/462 tỉ lệ 92.62 trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, chưa đạt 95% [H1.1.10-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với y tế địa phương chăm lo sức khỏe cho các cháu, trẻ được theo dõi sức khỏe thường xuyên và được thực hiện đảm bảo calo hàng ngày, tình trạng dinh dưỡng được cải thiện.

**3. Điểm yếu**

Trẻ suy dinh dưỡng mãn vẫn còn, không giảm được 100% đến cuối năm.

Tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường chưa đạt 95% trở lên.

Tỷ lệ trẻ béo phì còn cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 -2020 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo phó hiệu trưởng nuôi, giáo viên thực hiện mô hình, tăng cường phối hợp với phụ huynh tìm ra biện pháp trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng mãn và béo phì.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục**

*Mức 1*

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

*Mức 2*

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

*Mức 3*

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

Giáo viên thường xuyên vận động trẻ đi học đều cuối năm trẻ đạt tỷ lệ chuyên cần 85% trở đối với trẻ dưới 5 tuổi và 95% đối với trẻ 5 tuổi [H1.1.5-01],

Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H4.4.2-05].

Trường có 01 trẻ khuyết tật được giáo viên giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1.1.5-02].

Mức 2

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95 trở lên trẻ dưới 5 tuổi 90 % [H1.1.5-01].

Trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H4.4.2-05].

Trẻ khuyết tật học hòa nhập năm 2018 được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80% [H1.1.5-02].

Mức 3

Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H4.4.2-05].

Năm 2018-2019 có trẻ khuyết tật ở lớp lá đã được đánh giá hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục 5 tuổi, được đánh giá đạt tến bộ 85% [H4.4.2-05]. Tuy nhiên trẻ thường xuyên đi học trễ

**2. Điểm mạnh:**

Tỷ lệ chuyên cần từ 85% trở đối với trẻ dưới 5 tuổi và 90% đối với trẻ 5 tuổi.

**3. Điểm yếu**

Cháu còn hay đi học trễ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường phối hợp vận động phụ huynh cho trẻ đi học thường xuyên, đúng giờ

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3

**Kết luận tiêu chuẩn 5**

**Điểm mạnh nổi bật**

Trường thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục có sự phối hợp nhịp nhàng giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ giúp trẻ, quan tâm chú ý đến trẻ khuyết tật, có tham gia làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ khuyết tật được dự thi cấp huyện.

**Điểm yếu cơ bản:**

Số lượng trẻ dư cân, béo phì còn cao, giáo viên chưa mạnh dạn thảo luận đưa ra các vấn đề cần khắc phục trong chuyên môn, trẻ đi học còn trễ.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04**

**PHẦN III:**

**KẾT LUẬN CHUNG**

Qua quá trình thực hiện tự đánh giá của trường Mầm non Bé Ngoan đạt được kết quả như sau:

- Số lượng và tỷ lệ (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25 - tỷ lệ 100%

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 1: 00

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 2: 18/25 - tỷ lệ 72 %

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 2: 6/25 - tỷ lệ 24%

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 3: 4/19 tỷ lệ 21 %

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 3: 15/19 tỷ lệ 78.9%

- Mức đánh giá của trường mầm non Bé Ngoan: Mức 1

- Trường mầm non Bé Ngoan đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của trường ngày càng hoàn thiện và đạt chất lượng hơn./.

*Hóc Môn, ngày 25 tháng 11 năm 2019*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Mỹ Lang** |

PHẦN IV: PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Hồ sơ phát triển xây dựng nhà trường (Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Biên bản họp xây dựng phát triển nhà trường. Danh sách thành viên tham dự buổi họp…). | Nhiệm kỳ 2017-2022 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Nghị quyết Đại hội đảng bộ Thị Trấn giai đoạn 2015-2020. | Năm 2015 đến năm 2020 | Ủy ban nhân dân TT | Văn thư |
| 3 | [H1-1.1-03] | Kế hoạch năm học. | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.1-05] | Sổ nghị quyết, kế hoạch công tác tháng | Năm học 2014-2015  đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.1-06] | Hình ảnh niêm yết | Năm học 2014-2015  đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | QĐ thành lập Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 2 | [H1-1.2-02] | Biên bản họp HĐT | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ công đoàn ( Quyết định chuẩn y Ban chấp hành công đoàn; Nghị quyết công đoàn; hồ sơ tổ công đoàn, hồ sơ nữ công; hình ảnh cán bộ, giáo viên, nhân viên tham quan du lịch hè. | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Công đoàn  Trường | Chủ tịch công đoàn |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ chi đoàn ( Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn; Nghị quyết chi đoàn; Kế hoạch hoạt động chi đoàn; Biên bản họp chi đoàn) | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Chi đoàn | Bí thư chi đoàn |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ Hội chữ thập đỏ ( Quyết định; kế hoạch hoạt động) | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Y tế | Y tế |
| 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ khuyến học ( Quyết định; kế hoạch hoạt động) | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | P hiệu trưởng | P hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.3-05] | Hình ảnh, giấy khen nhà trường, chi bộ, công đoàn, chi hội khuyến học, chữ thập đỏ | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng,  Công đoàn | Hiệu trưởng, Công đoàn |
| 6 | [H1-1.3-06] | Hồ sơ chi bộ ( Quyết định chuẩn y Chi ủy, hình ảnh giấy khen | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Hồ sơ cá nhân | Năm 2019-2020 | Văn thư | Văn thư |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định tổ trưởng, tổ phó, phân công nhân sự | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.4-03] | Kế hoạch năm học tổ chuyên môn | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Tổ chuyên môn | Tổ trưởng |
| 4 | [H1-1.4-04] | Sổ họp tổ chuyên môn | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Tổ chuyên môn | Tổ trưởng |
| 5 | [H1-1.4-05] | Kế hoạch thực hiện chuyên đề, hình ảnh chuyên đề | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | P HT chuyên môn | P hiệu trưởng chuyên môn |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Hồ sơ trẻ: Sổ điểm danh – Lý lịch trích ngang | Năm học 2014-2015 đến năm học 2019-2020 | KTBT  Văn thư | KTBT  Văn thư |
| 2 | [H1-1.5-02] | Hồ sơ trẻ khuyết tật | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ thi đua | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.6-03] | Sổ công văn đi, đến | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Văn thư | Văn thư |
| 4 | [H1-1.6-04] | Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất. Hồ sơ kế toán | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Kế toán | Kế toán |
| 5 | [H1-1.6-05] | Hồ sơ quản lý bán trú | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | P hiệu trưởng nuôi | P hiệu trưởng nuôi |
| 6 | [H1-1.6-06] | Quy chế chi tiêu nội bộ | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Phần mềm quản lý hồ sơ EMPIS, Quản lý nhân sự, kế toán | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Kế toán | ổ đĩa D |
| 2 | [H1-1.7-02] | Kế hoạch củaTrường | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch giáo dục lớp | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Giáo viên | ổ đĩa |
| 2 | [H1-1.8-02] | Hồ sơ chuyên môn | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| 3 | [H1-1.8-03] | Hồ sơ đánh giá trẻ | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Quy chế dân chủ | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.9-02] | Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.9-03] | Hồ sơ tiếp công dân, hình ảnh họp thư góp ý | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.9-04] | Báo cáo quy chế dân chủ | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.9-05] | Hồ sơ Ban Thanh tra nhân dân | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Ban TTND | Ban TTND |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Giấy chứng nhận bếp an toàn vệ sinh thực phẩm, Hồ sơ y tế | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Quy tắc ứng xử | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.10-03] | Sổ họp hội đồng | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.10-04] | Sổ họp đột xuất | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Đánh giá chuẩn HT, PHT, giáo viên | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-02] | Hồ sơ đánh giá CC-VC | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Thống kê trình độ giáo viên, nhân viên | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.1-02] | Hình ảnh khuôn viên nhà trường | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.1-03] | Hình ảnh sân chơi | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục  Laptop ổ D |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Hình ảnh phòng âm nhạc | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng dạy | Phó hiệu trưởng dạy |
| 2 | [H3-3.2-02]. | Hình ảnh các lớp học | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng dạy | Phó hiệu trưởng dạy |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01]. | Hình ảnh văn phòng, phòng hành chánh. | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng nuôi | Phó hiệu trưởng nuôi |
| 2 | [H3-3.3-02] | Hình ảnh nơi để xe CB- GV -NV | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng nuôi | Phó hiệu trưởng nuôi |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh nhà bếp | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng nuôi | Phó hiệu trưởng nuôi |
| 2 | [H3-3.4-02] | Hình ảnh nhà kho | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng nuôi | Phó hiệu trưởng nuôi |
| 3 | [H3-3.4-03] | Biên bản kiểm kê tài sản | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | P hiệu trưởng nuôi | P hiệu trưởng nuôi |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Sổ danh mục đồ chơi của lớp | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Laptop ổ D |
| 2 | [H3-3.5-02] | Sổ kiểm tra sửa chữa | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | P hiệu trưởng nuôi | P hiệu trưởng nuôi |
| 3 | [H3-3.5-03] | Các loại hợp đồng | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | P hiệu trưởng dạy | ổ đĩa máy tính |
| 4 | [H3-3-05-04] | Hồ sơ mua sắm sữa chữa | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.06-01] | Hình ảnh cống thoát nước, hình ảnh nhà vệ sinh | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ ban đại diện cha mẹ học sinh (Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp - trường; biên bản họp cha mẹ học sinh lớp - trường; kế hoạch hoạt động; biên bản họp). biên bản báo cáo chuyên đề tại trường, hình ảnh báo cáo chuyên đề | Năm học 2014- 2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.1-02] | Biên bản báo cáo chuyên đề | Năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 | P Hiệu trưởng | P. Hiệu trưởng |
| 3 | [H4-4.1-03] | Sổ liên lạc – Sổ Bé ngoan | Năm học 2019-2020 | Giáo viên | Giáo viên |
| 4 | [H4-4.1-04] | Hồ sơ tài trợ | Năm học 2014- 2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 5 | [H4.4.2-05] | Phổ cập trẻ 5 tuổi | Năm học 2014- 2015 đến năm học 2018-2019 | Văn thư | Văn thư |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Thông tư 23, quy chế phối họp công an | Năm học 2014- 2015 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.2-02] | Kế hoạch hình ảnh hoạt động lễ hội, hoạt động ngoại khóa | Năm học 2014- 2015 đến năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng dạy | Phó hiệu trưởng dạy |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Sản phẩm hoạt động của trẻ | Năm học 2014- 2015 đến năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |